SƠ ĐỒ ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT VÙNG ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tên vùng	Diện tích (km2)	Số lượng loại đô thị			
		ĐB	1	2	3
Vùng đô thị Hồ Chí Minh	30.358,64	1	5	11	13

Định hướng đô thị năm 2030

- ĐB — Đặc biệt
- 1 — Loại I TW
- 1 — Loại I TW dự kiến
- 1 — Loại I
- 2 — Loại II
- 3 — Loại III

Hiện trạng hạ tầng kinh tế kỹ thuật

- Cửa khẩu quốc tế
- Cửa khẩu chính
- Khu công nghiệp
- Khu kinh tế cửa khẩu
- Cảng hàng không quốc tế
- Cảng đặc biệt
- Cảng loại 1
- Cảng nội địa

Quy hoạch giao thông đường bộ

- Cao tốc quy hoạch sau 50 năm
- Cao tốc hiện trạng
- Quốc lộ hiện trạng
- Cao tốc xây mới
- Quốc lộ xây mới
- Đường sắt quốc gia

- Vùng lõi vùng đô thị lớn
- Đất đô thị
- Khu vực nông thôn

Hiện trạng đất rừng

- Đất rừng đặc dụng
- Đất rừng phòng hộ
- Đất rừng sản xuất

ĐẮK NÔNG
BÌNH PHƯỚC
LÂM ĐỒNG
TÂY NINH
BÌNH DƯƠNG
ĐỒNG NAI
BÌNH THUẬN
TP.HỒ CHÍ MINH
LONG AN
ĐỒNG THÁP
BÀ RỊA-VŨNG TÀU
TIỀN GIANG
BIỂN ĐÔNG

105°30'0"E 106°0'0"E 106°30'0"E 107°0'0"E 107°30'0"E 108°0'0"E 108°30'0"E
12°0'0"N 11°30'0"N 11°0'0"N 10°30'0"N

TỶ LỆ BẢN ĐỒ: 1:100.000
0 4 8 12 16 Km

Tên quy hoạch:
QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN THỜI KỲ 2021 - 2030 TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

Tên bản đồ, bản đồ:
SƠ ĐỒ ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT VÙNG ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TỶ LỆ: 1/100.000
(Kèm theo hồ sơ trình thẩm định, trình quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch tại Tờ trình số.....ngày.....tháng.....năm.....của hoặc đã cập nhật, bổ sung, hoàn thiện theo văn bản quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....)

BỘ XÂY DỰNG	CỤC PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ	VIỆN QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN QUỐC GIA
Hà Nội, ngày..... tháng ..... năm....	*Hà Nội, ngày..... tháng ..... năm....*	*Hà Nội, ngày..... tháng ..... năm....*

Hệ tọa độ: VN-2000
Giai đoạn quy hoạch: Trình phê duyệt
Nguồn tài liệu:.....